

BẢN TIN THAN NGÀY

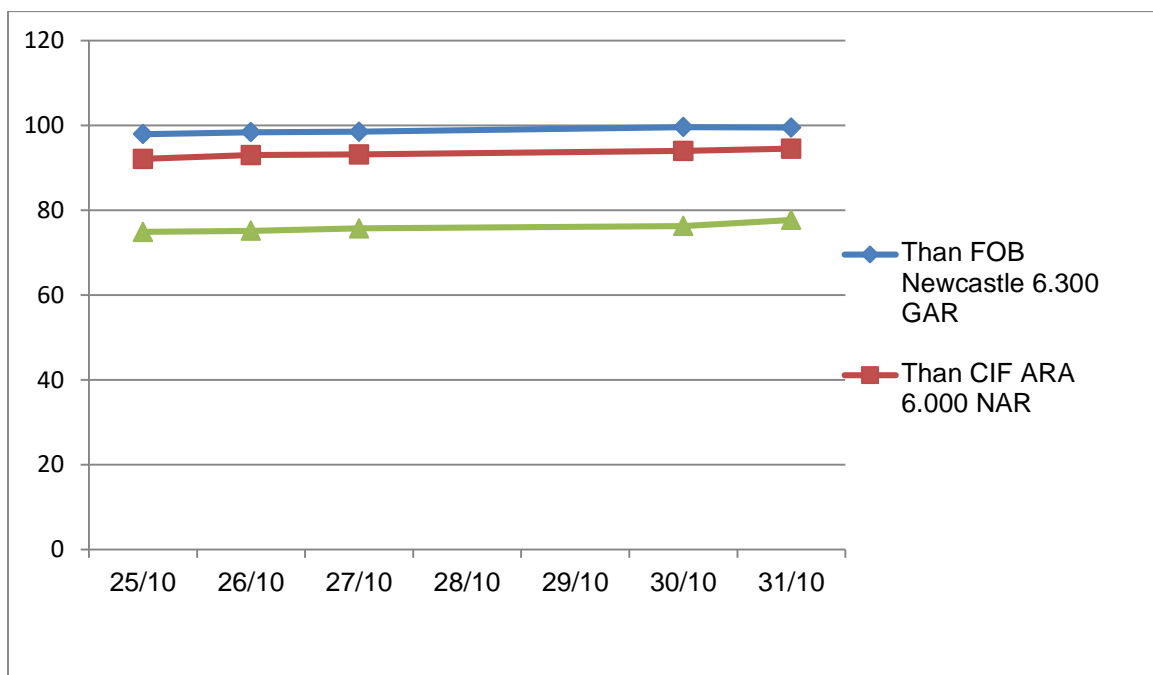
Ngày 02/11/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	99,50	-0,10	99,45	+0,25
CIF ARA 6.000 NAR	94,50	+0,50	94,20	+0,50
FOB Richards Bay 5.500 NAR	77,70	+1,40	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	83,10	+0,20
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	65,75	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,00	-0,05	417,03	-1,69
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	74,10	-0,50	572,26	-5,66
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	88,00	+0,00	679,61	-2,11

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 31/10/2017)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than 9 tháng đầu năm của Toba Bara sụt giảm so với năm 2016

Toba Bara, công ty khai thác than nhiệt của Indonesia cho biết đã sản xuất 3,7 triệu tấn than trong 9 tháng đầu năm 2017, giảm gần 12% so với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân chủ yếu do mưa lớn tại khu vực khai thác. Trong cùng kỳ năm ngoái, công ty đã sản xuất 4,2 triệu tấn than nhiệt. Khối lượng than bán ra trong 9 tháng đầu năm đạt 3,5 triệu tấn, thấp hơn so với mức 4,3 triệu tấn cùng kỳ năm 2016. Các thị trường lớn của công ty bao gồm Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia và Đài Loan. Theo đại diện của Toba Bara, trong 9 tháng đầu năm, chi phí giao than của công ty này theo điều kiện FOB đã tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2016 lên 39,30 USD/tấn, giá bán bình quân tăng 32,1% lên 59,20 USD/tấn.

Thông qua các công ty con Adimitra Baratama Nusantara, Indomining và Trisensa Mineral Utama ở Đông Kalimantan, Toba Bara khai thác than với nhiệt trị từ 4.800 GAR đến 5.900 GAR. Sản lượng than 5.600 GAR bán ra chiếm khoảng 41% tổng sản lượng than thương phẩm của công ty trong 9 tháng đầu năm, trong khi đó than 4.800 – 5.200 GAR chiếm 44%. Tính đến hết tháng 9, công ty đã bán được gần như 100% tổng khối lượng than thương phẩm mục tiêu năm 2017, chủ yếu ở mức giá cố định. Trong năm 2017, Toba Bara đã lên kế hoạch sản xuất 5-6 triệu tấn than. Theo số liệu của S&P Global Platts, giá than Kalimantan 5.900 GAR, điều kiện giao hàng FOB hôm thứ 3 đã tăng 16% so với đầu năm 2017 lên 83,10 USD/tấn.

Ngoài ra, Toba Bara cũng đang có kế hoạch tham gia lĩnh vực sản xuất điện với việc xây dựng 2 nhà máy điện công suất 50 MW tại tỉnh Bắc Sulawesi với chi phí ước tính khoảng 205 triệu đến 215 triệu USD. Theo đại diện của công ty: "Chúng tôi sẽ liên tục tìm kiếm cơ hội phát triển các dự án điện mới, trong đó có các nguồn năng lượng tái tạo. Điều này sẽ được thực hiện thông qua việc tham gia đấu thầu IPP [nhà sản xuất điện tư nhân] cũng như việc mua lại các nhà máy điện hiện có". Tính đến ngày 30/9/2017, công ty sở hữu lượng tiền mặt trị giá 42,6 triệu USD.

Giá cước vận tải đường biển của Trung Quốc tiếp tục giảm trong tuần này

Cảng vụ Qinhuangdao hôm thứ 3 cho biết, giá vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao ở phía Bắc Trung Quốc đến các cảng khác như Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou ở phía Đông và Nam Trung Quốc tiếp tục giảm trong tuần này. Cụ thể giá cước tàu 20.000 - 30.000 tấn từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang, tỉnh Jiangsu, miền Đông Trung Quốc đã giảm xuống còn 49,9 NDT/tấn (tương đương 7,53 USD/tấn), giảm 2,6 NDT so với tuần trước. Giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao đến Shanghai ở miền Đông Trung Quốc đối với các tàu có công suất từ 40.000 - 50.000 tấn đã giảm xuống còn 41,4 NDT/tấn, giảm 3,1 NDT so với tuần trước. Giá cước tàu từ Qinhuangdao đến Guangzhou, miền Nam Trung Quốc với tàu công suất 50.000 – 60.000 tấn đã giảm xuống mức 53,6 NDT/tấn, giảm 2 NDT so với tuần trước. Điều kiện thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến các chuyến hàng than ở phía Nam, dẫn đến việc giảm giá cước vận chuyển. Trong khi đó, dự trữ than tại cảng Qinhuangdao hôm thứ 3 ở mức 7,07 triệu tấn, giảm từ 7,31 triệu tấn ngày 24/10.

Hơn 100 tàu chở than neo đậu ngoài khơi tại các cảng của Trung Quốc

Theo dữ liệu từ phần mềm C-flow của S&P Global Platts cho thấy 102 tàu chở than đã neo đậu ngoài khơi tại vùng biển phía Nam và phía Đông, cùng 2 tàu chờ làm hàng tại cảng Lianyungang – Trung Quốc. Các nguồn tin trên thị trường đã thông báo về sự chậm trễ kéo dài này cho các tàu cập cảng dỡ hàng tại một số cảng ở Trung Quốc. Cảng vụ hàng hải, bao gồm cả Guangzhou đã bác bỏ tin đồn rằng có những lệnh hạn chế đối với việc dỡ hàng than nhập khẩu tại các cảng khác nhau. Phần mềm C-flow của S&P Global Platts có thể phát hiện và theo dõi vị trí của các tàu chở hàng cá nhân, tình trạng hiện tại của chúng đang đứng yên hoặc đang di chuyển, các loại hàng hóa, điểm đến và thời gian đến ước tính, và các thông tin hoạt động chính.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,60	+0,10
	Queensland	Nhật Bản	11,10	+0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	11,45	+0,10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,30	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,30	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	-0,10
	Úc	Trung Quốc	12,30	-0,10
	Úc	Ấn Độ	14,00	-0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 31/10/2017)